

Bản án số: **61/2026/DS-ST**

Ngày: 30-01- 2026

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bành Quốc Trung;

2. Ông Lê Thành Thanh Tiến;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp;

Trong các ngày 27 và 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 598/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 769/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2026/QĐST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần V (V1);

Địa chỉ: H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T - Chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và Xử lý nợ pháp lý;

Người được uỷ quyền lại:

1/ Chị Trần Thị Ái H, sinh năm 1985; (Vắng mặt)

Căn cước công dân số 042185006370, cấp ngày 02/12/2022.

2/ Anh Đào Thái T1, sinh năm 1997; (Vắng mặt)

3/ Chị Nguyễn Thị Cẩm T2, sinh năm: 1997; (Vắng mặt)

4/ Anh Nguyễn Thanh D1, sinh năm 1997; (Có mặt)

Căn cước công dân số 080097002489, cấp ngày 04/5/2024;

Cùng địa chỉ: Số A H, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

2/ *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Hoàng O, sinh năm 1982;

Căn cước công dân số 082182003889, cấp ngày 29/4/2021;

Địa chỉ: ấp H, xã V, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

** Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V và trong quá trình tố tụng đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng đã cho chị O vay vốn theo các hợp đồng với số tiền vay và mục đích vay như sau:

Hợp đồng vay vốn số LN2305189570291 (gọi là hợp đồng số 01); Số hồ sơ giải ngân 353-P-7149580; số tiền vay 14.800.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; Ngày giải ngân 19/5/2023; Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân; Ngày vi phạm: 18/4/2025.

Hợp đồng vay vốn số LN2305129142531 (gọi là hợp đồng số 02); Số hồ sơ giải ngân LD2313800985; số tiền vay 157.500.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; Ngày giải ngân 18/5/2023; Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân; Ngày vi phạm: 18/4/2025.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chị O đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng nên toàn bộ khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn. Tạm tính đến ngày **30/01/2026**, chị O còn nợ ngân hàng số tiền là:

Đối với hợp đồng số 01: Nợ gốc: 20.714.034 đồng; Nợ lãi: 6.181.027 đồng; Tổng cộng là 26.895.061 đồng.

Đối với Hợp đồng số 02: Nợ gốc: 112.133.003 đồng; Nợ lãi: 52.461.821 đồng. Tổng cộng là 164.594.824 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu chị Phạm Thị Hoàng O có nghĩa vụ trả cho ngân hàng toàn bộ gốc và lãi theo các hợp đồng, tạm tính đến ngày 30/01/2026 là 191.489.885 đồng. Yêu cầu chị O tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh theo đúng thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ;

Yêu cầu chị O phải chịu các chi phí và án phí liên quan.

** Tại bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên toà chị Phạm Thị Hoàng O là bị đơn trình bày:*

Chị thống nhất gốc và lãi theo yêu cầu của ngân hàng đến ngày 30/01/2026 là 191.489.885 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin trả mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ, xin không tiếp tục tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã V, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp tiền nợ vay. Căn cứ vào Điều 463 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”.

[3]. Về nội dung vụ án: Ngân hàng yêu cầu chị O có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn và tiền lãi đến ngày 30/01/2026 theo hợp đồng là 191.489.885 đồng, trong đó Hợp đồng số 01: Nợ gốc: 20.714.034 đồng; Nợ lãi: 6.181.027 đồng; Tổng cộng là 26.895.061 đồng; Hợp đồng số 02: Nợ gốc: 112.133.003 đồng; Nợ lãi: 52.461.821 đồng. Tổng cộng là 164.594.824 đồng và yêu cầu thanh toán lãi phát sinh từ ngày 31/01/2026 cho đến khi khách hàng thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy giao dịch giữa các bên đương sự là có thật thể hiện qua các Hợp đồng vay vốn số LN2305189570291 (gọi là hợp đồng số 01); Số hồ sơ giải ngân 353-P-7149580; số tiền vay 14.800.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng; Ngày giải ngân 19/5/2023; Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân; Ngày vi phạm: 18/4/2025. Hợp đồng vay vốn số LN2305129142531 (gọi là hợp đồng số 02); Số hồ sơ giải ngân LD2313800985; số tiền vay 157.500.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; Ngày giải ngân 18/5/2023; Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân; Ngày vi phạm: 18/4/2025.

Do chị O vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng thông báo cho khách hàng và tiến hành khởi kiện. Đến ngày 30/01/2026, chị O còn nợ Ngân hàng tổng cộng 191.489.885 đồng. Do chị O là người vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng nên có nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng là có căn cứ.

Bị đơn là chị O đồng ý trả tiền cho ngân hàng nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không tiếp tục tính lãi là gây thiệt thòi quyền lợi cho nguyên đơn nên cần buộc chị O trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Từ những nhận định trên xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên bị đơn có hoàn cảnh khó khăn, có đơn xin giảm án phí nên hội đồng xét xử xem xét giảm $\frac{1}{2}$ án phí cho bị đơn.

[5]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V.

Buộc chị Phạm Thị Hoàng O có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V số tiền tính đến ngày 30/01/2026 tổng cộng là 191.489.885 đồng, trong đó Hợp đồng số 01: Nợ gốc là 20.714.034 đồng; Nợ lãi là 6.181.027 đồng; Tổng cộng là 26.895.061 đồng; Hợp đồng số 02: Nợ gốc là 112.133.003 đồng; Nợ lãi là 52.461.821 đồng. Tổng cộng là 164.594.824 đồng. Thời gian thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 30/01/2026 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Chị O phải chịu 4.787.247 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

H1 lại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.888.000 đồng theo biên lai số 0007061 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND.KV2;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Nguyễn Thị Thu Thảo

